

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1325/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Dương;

2. Ông Huỳnh Vĩnh Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quang Thị Thùy Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoài Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 742/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 592/2025/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 530/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Bảo N, sinh ngày 05/9/1999; căn cước số 079199018922 do Bộ C1 cấp ngày 22/9/2024 (có mặt).

Thường trú: Số D Quốc lộ B, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn C, sinh năm 1988; căn cước công dân số 079088036529 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/9/2022 (xin vắng mặt).

Thường trú: Số D Đường F, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Bảo N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tấn C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 93 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 25/11/2023. Vợ chồng bà mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, ông C gây nợ trả nợ, lừa dối bà. Sau khi kết hôn khoảng 02 tháng ông C gặp khó khăn trong công việc nên đã có các khoản vay nợ không có khả năng chi trả. Vợ chồng bà đã nhiều lần ngồi lại với nhau trao đổi tìm cách giải quyết mâu thuẫn, hai bên gia đình cũng can thiệp cho vợ chồng bà nhưng sự việc vẫn không được giải quyết. Ông C vẫn nhiều lần liên tiếp thông báo nợ với nhiều lý do khác nhau và bày tỏ ý muốn chấm dứt quan hệ vợ chồng. Sau gần 02 năm chung sống, ông C không đưa ra được cách giải quyết mâu thuẫn. Vợ chồng bà bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng bà ly thân từ tháng 4/2025 cho đến nay. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn C có đơn xin vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 15/9/2025, ông C trình bày: Ông và bà Nguyễn Bảo N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 25/11/2023 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C cấp. Bà N yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà N. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tất cả các văn bản của Tòa án ông đều nhận được nhưng do bận công việc nên không thể tham gia được. Ông đồng ý Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục giải quyết vụ án ly hôn của ông và xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N và cho ông được vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh: Quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Bảo N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tấn C nên căn cứ Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn”. Ông C cư trú tại ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 26/5/2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Tấn C có đơn xin vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Bảo N và ông Nguyễn Tấn C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 93 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 25/11/2023, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của bà N thì sau kết hôn giữa bà và ông C đã có nhiều khác biệt về cách sống và quan điểm sống, tính tình không hợp, mâu thuẫn về kinh tế. Ông C gây nợ rồi trả nợ. Vợ chồng bà ly thân từ tháng 4/2025 cho đến nay. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Tấn C.

Ông C đã được Tòa án triệu tập nhưng ông bận công việc không đến tòa được. Ông C cũng gửi văn bản trình bày ý kiến bà N yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn với bà N. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông C là có cơ sở.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Xét trình bày của Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Bảo N phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 26/5/2025;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Bảo N là được ly hôn với ông Nguyễn Tấn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 93 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 25/11/2023 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Bảo N phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0064925 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh).

[6] Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 8 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND xã T, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thủy